



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Dệt May Nhon Trạch**

Laboratory: **Nhon Trach Textile Testing Laboratory (Nhon Trach TTL)**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương**

Organization: **Namtex Co., Ltd**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1594**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ**

Field: **Mechanical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Chu Bo Rong**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /10/2025 đến ngày /10/2030**

Địa chỉ/ Address: **Khu công nghiệp Nhon Trạch II, xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Nhon Trach II Industrial Park, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province, Vietnam

Địa điểm/ Location: **Khu công nghiệp Nhon Trạch II, xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Nhon Trach II Industrial Park, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **0251-3560070 (Ext. 109)**

E-mail: **markchu@namtex.com.vn/ nhontrachTTL@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1594

Lĩnh vực: **Cơ**

Field: **Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Vật liệu dệt - Vải <i>Textile materials - Fabrics</i>	Thử độ bền màu giặt gia dụng và thương mại <i>Colour fastness to domestic and commercial laundering test</i>	Cấp 1-5 <i>Grade 1-5</i>	AATCC TM61-2013e (2020)e2 Mục/Clause: 1A, 2A, 3A ISO 105-C06: 2010 Mục/Clause: A1S, A1M, A2S, B1S, B1M, B2S
2.		Thử độ bền màu ma sát <i>Colorfastness to crocking test</i>	Cấp 1-5 <i>Grade 1-5</i>	AATCC TM8- 2016e(2022)e ISO 105-X12:2016
3.		Thử độ bền màu mồ hôi <i>Colorfastness to perspiration test</i>	Cấp 1-5 <i>Grade 1-5</i>	AATCC TM15-2021 ISO 105-E04:2013
4.		Thử độ bền màu với nước <i>Colorfastness to water test</i>	Cấp 1-5 <i>Grade 1-5</i>	AATCC TM107- 2022e ISO 105-E01:2013
5.		Đánh giá khả năng ố vàng do phenol của vật liệu <i>Assessment of the potential to phenolic yellowing of materials</i>	Cấp 1-5 <i>Grade 1-5</i>	ISO 105-X18:2007
6.		Xác định chiều rộng vải <i>Determination of width of textile fabric</i>	-	ASTM D3774-18 (Reapproved 2024) Option B
7.		Xác định khối lượng vải trên đơn vị diện tích <i>Determination of mass per unit area (weight) of fabric</i>	-	ASTM D3776/ D3776M-20 Option C ISO 3801:1977 Method 5
8.		Xác định mật độ sợi dọc và sợi ngang của vải dệt kim sợi ngang <i>Determination of wale and course count of weft knitted fabrics</i>	-	ASTM D8007-24
9.		Xác định độ giãn và phục hồi của vải <i>Determination of stretch and recovery of fabrics</i>	-	ASTM D4964-96 (Reapproved 2020) ASTM D2594/D2594M-21

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1594

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Vật liệu dệt - Vải <i>Textile materials - Fabrics</i>	Xác định độ bền nén thùng của vải dệt Phương pháp thủy lực <i>Determination of bursting strength of textile fabrics Hydraulic method</i>	Max 200 psi	ASTM D3786/ D3786M-18 (Reapproved 2023)
11.		Xác định độ bền nén thùng của vải dệt Phương pháp khí nén <i>Determination of bursting strength of textile fabrics Pneumatic method</i>	Max 1000 kPa	ASTM D3786/ D3786M-18 (Reapproved 2023) ISO 13938-2:2019
12.		Xác định khả năng tạo xơ, vón cục hoặc xù lông bề mặt của vải Phương pháp Pilling box <i>Determination of fabric propensity to surface pilling, fuzzing or matting Pilling box method</i>	Cấp 1-5 <i>Grade 1-5</i>	ISO 12945-1:2020
13.		Xác định khả năng chống vón cục và các thay đổi bề mặt liên quan khác của vải dệt Phương pháp máy thử vón cục quay ngẫu nhiên <i>Determination of pilling resistance and other related surface changes of textile fabrics Random tumble pilling tester method</i>	Cấp 1-5 <i>Grade 1-5</i>	ASTM D3512/ D3512M-22
14.		Xác định tốc độ thấm hút theo chiều dọc của vật liệu dệt đến khoảng cách xác định <i>Determination of vertical wicking rate of textiles to specified distances</i>	-	AATCC TM197-2022
15.		Xác định sự thay đổi kích thước của vải sau khi giặt gia dụng <i>Determination of dimensional changes of fabrics after home laundering</i>	-	AATCC TM135-2018t
16.		Xác định sự thay đổi độ xiên (lệch sợi) của vải sau khi giặt gia dụng <i>Determination of skew change in fabrics after home laundering</i>	-	AATCC TM179-2023
17.		Xác định độ pH của nước chiết từ vật liệu dệt đã qua xử lý ướt <i>Determination of pH of the water- extract from wet processed textiles</i>	2 - 12	AATCC TM81-2022

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1594

Ghi chú/ Notes:

- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- AATCC: Hiệp hội các nhà hóa học và hóa màu dệt may Hoa Kỳ/ *American Association of Textile Chemists and Colorists*
- ASTM: Hiệp hội thử nghiệm và vật liệu Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*

Trường hợp Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Namtex Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

